

Bản án số: **06/2025/HNGĐ-ST**
Ngày **31-3-2025**
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con – cấp dưỡng nuôi con
chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Xuân Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu và ông Lê Khải.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hải Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2024/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2024, về việc “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con – cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn”, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2025, **Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025**, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thanh Th, sinh năm 1993, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Tân L, xã Năm N, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Anh Phạm Văn A, sinh năm 1987, vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

Địa chỉ: Thôn Tân L, xã Năm N, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án chị Bùi Thị Thanh Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Thanh Th và anh Phạm Văn A tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn ngày 17/02/2012 tại UBND xã Năm Nung, huyện Krông Nô và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03-2012 quyền số 01. Hôn nhân và sống chung hoàn toàn tự nguyện.

Mâu thuẫn dẫn đến xin ly hôn: Sau khi kết hôn chị Th và anh A sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó anh A thường xuyên chơi bời, cờ bạc, rượu chè ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, anh A không chăm sóc gia đình, sau khi hai vợ chồng cãi nhau thường xuyên bỏ nhà đi, bỏ mặc vợ con, dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Đến giữa năm 2024, chị Th và anh A không còn sống chung, anh A cũng bỏ đi làm ăn xa, lâu lâu mới trở về nhà. Hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng, chị Th không còn tình cảm vợ chồng với anh A nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Nô giải quyết cho chị Bùi Thị Thanh Th ly hôn anh Phạm Văn A.

Về con chung: Chị Bùi Thị Thanh Th và anh Phạm Văn A có 03 con chung là Phạm Bùi Ánh Tr, sinh ngày 10/9/2012, Phạm Bùi Bảo Đ, sinh ngày 12/02/2016 và Phạm Bùi Thủy T, sinh ngày 04/6/2021. Chị Bùi Thị Thanh Th có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con chung đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2024, chị Bùi Thị Thanh Th yêu cầu anh Phạm Văn A cấp dưỡng hàng tháng nuôi ba con chung là 10.000.000 đồng/tháng/03 con. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị Th đã thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, cụ thể chị Th yêu cầu anh A cấp dưỡng hàng tháng nuôi ba con chung là Phạm Bùi Ánh Tr, sinh ngày 10/9/2012, Phạm Bùi Bảo Đ, sinh ngày 12/02/2016 và Phạm Bùi Thủy T, sinh ngày 04/6/2021 mỗi tháng 4.500.000 đồng/03 con, mỗi con 1.500.000 đồng/01 tháng đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn A trình bày:

Về hôn nhân: Anh Phạm Văn A và chị Bùi Thị Thanh Th đăng ký kết hôn năm 2012, tại UBND xã Nam Nung, huyện Krông Nô. Hôn nhân và sống chung hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng anh A, chị Th sống hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Mâu thuẫn xuất phát từ việc hai vợ chồng không có tiếng nói chung, dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc, do anh A thường xuyên đi nhậu, đánh bài khiến hai vợ chồng cãi nhau, do đó chị Bùi Thị Thanh Th đã nộp đơn ly hôn. Từ tháng 08/2024 đến nay hai vợ chồng anh A, chị Th ở riêng với nhau, anh A ở rẫy một mình, chị Th ở với ba con ở nhà tại thôn Tân L, xã Nam N, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Anh Phạm Văn A mong muốn được đoàn tụ để hai vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái, tuy nhiên do chị Bùi Thị Thanh Th kiên quyết ly hôn nên anh A đồng ý yêu cầu ly hôn của chị Th.

Về con chung: Anh Phạm Văn A thừa nhận anh A và chị Th có 03 con chung là Phạm Bùi Ánh Tr, sinh ngày 10/9/2012, Phạm Bùi Bảo Đ, sinh ngày 12/02/2016 và Phạm Bùi Thủy T, sinh ngày 04/6/2021.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn A đồng ý giao cả ba con chung là Phạm Bùi Ánh Tr, sinh ngày 10/9/2012, Phạm Bùi Bảo Đ, sinh ngày 12/02/2016 và Phạm Bùi Thủy T, sinh ngày 04/6/2021 cho chị Bùi Thị Thanh Th

được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn A đồng ý cấp dưỡng hàng tháng nuôi ba con chung là Phạm Bùi Ánh Tr, sinh ngày 10/9/2012, Phạm Bùi Bảo Đ, sinh ngày 12/02/2016 và Phạm Bùi Thủy T, sinh ngày 04/6/2021 mỗi tháng 4.500.000 đồng /03 con, mỗi con 1.500.000 đồng/ tháng/01 con đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 20/02/2025, Tòa án đã tiến hành xác minh tại thôn Tân L, xã Năm N, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, chị Bùi Thị Thanh Th và anh Phạm Văn A đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Năm Nung, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, sau đó sinh sống tại thôn Tân L, xã Năm N, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Đến năm 2024, chị Th và anh A phát sinh mâu thuẫn, hai người sống tại hai nhà khác nhau. Ba con chung của chị Th và anh A là Phạm Bùi Ánh Tr, Phạm Bùi Bảo Đ và Phạm Bùi Thủy T sống cùng chị Th tại địa phương. Sau khi mâu thuẫn xảy ra anh A đi làm ăn xa, lâu lâu mới trở về nhà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án xác định người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ quy định của pháp luật. Bị đơn anh Phạm Văn A có mặt trong các lần Tòa án triệu tập làm việc, tuy nhiên, không có mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật. Buộc bị đơn anh A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Thanh Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết về con chung, cấp dưỡng nuôi con. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con – cấp dưỡng khi ly hôn”*. Bị đơn anh Phạm Văn A có đăng ký thường trú tại thôn Tân L, xã Năm N, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với sự vắng mặt của nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh Th: Chị Bùi Thị Thanh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều

227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chỉ Bùi Thị Thanh Th.

Đối với sự vắng mặt của bị đơn anh Phạm Văn A: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn A theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vắng mặt nên tại phiên tòa ngày 14/3/2023 Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định hoãn phiên tòa có thông báo thời gian mở lại phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Thanh Th và anh Phạm Văn A xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, tự do đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Nung, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03-2012, quyển số 01 vào ngày 17/02/2012. phù hợp với Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Vì vậy, hôn nhân của chị Th và anh A được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Thanh Th, Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy sau khi kết hôn vợ chồng chị Bùi Thị Thanh Th và anh Phạm Văn A xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, anh A thường xuyên chơi bời, cờ bạc, rượu chè ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, từ giữa năm 2024 thì mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay chị Th và anh A không còn chung sống với nhau. Quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Chị Bùi Thị Thanh Th không còn tình cảm với anh Phạm Văn A, vì vậy không đảm bảo được việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau những công việc gia đình và cùng nhau nuôi các con chung trưởng thành. Hiện nay quan hệ hôn nhân không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Theo nội dung biên bản xác minh tại thôn Tân L, xã Nam N, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, chính quyền địa phương cho biết chị Bùi Thị Thanh Th và anh Phạm Văn A đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Nung, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, sau đó sinh sống tại thôn Tân L, xã Nam N, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Đến năm 2024, chị Th và anh A phát sinh mâu thuẫn, hai người sống tại hai nhà khác nhau. Ba con chung của chị Th và anh A là Phạm Bùi Ánh Tr, Phạm Bùi Bảo Đ và Phạm Bùi Thủy T sống cùng chị Th tại địa phương. Sau khi mâu thuẫn xảy ra anh A đi làm ăn xa, lâu lâu mới trở về nhà.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Như vậy, hôn nhân của chị Th, anh A đã vi phạm Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và Gia đình. Do đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Thanh Th về việc ly hôn với anh Phạm Văn A.

[2.2] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thừa nhận có ba con chung là Phạm Bùi Ánh Tr, sinh ngày 10/9/2012, Phạm Bùi Bảo Đ, sinh ngày 12/02/2016 và Phạm Bùi Thủy T, sinh ngày 04/6/2021. Chị Bùi Thị Thanh Th yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Văn A đồng ý giao cả ba con chung cho chị Bùi Thị Thanh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Hơn nữa, hiện nay chị Bùi Thị Thanh Th là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung phát triển bình thường. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Phạm Bùi Ánh Tr, sinh ngày 10/9/2012 và cháu Phạm Bùi Bảo Đ, sinh ngày 12/02/2016 có đơn trình bày muốn ở cùng với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Thanh Th về nuôi con chung. Giao cho chị Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là Phạm Bùi Ánh Tr, sinh ngày 10/9/2012, Phạm Bùi Bảo Đ, sinh ngày 12/02/2016 và Phạm Bùi Thủy T, sinh ngày 04/6/2021 đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật là phù hợp điều kiện thực tế và nguyện vọng của con chung. Sau khi ly hôn anh Phạm Văn A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh A thực hiện quyền này. Trường hợp anh Phạm Văn A có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2024, chị Bùi Thị Thanh Th yêu cầu anh Phạm Văn A cấp dưỡng hàng tháng nuôi con chung là 10.000.000 đồng/tháng/03 con. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th đã thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, cụ thể chị Th yêu cầu anh A cấp dưỡng hàng tháng nuôi ba con chung là Phạm Bùi Ánh Tr, sinh ngày 10/9/2012, Phạm Bùi Bảo Đ, sinh ngày 12/02/2016 và Phạm Bùi Thủy T, sinh ngày 04/6/2021 mỗi tháng 4.500.000 đồng /03 con, mỗi con 1.500.000 đồng/01 tháng đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Xét yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con chung của chị Th, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nghĩa vụ nuôi con chung là thuộc về cha mẹ, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định: “*cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Mặt khác, hiện nay các con chung của chị Th và anh A đang ở độ tuổi đi học, để các con được học tập và phát triển bình thường cũng như nhu cầu thiết yếu của các con thì yêu cầu của chị Th buộc anh A cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Nên căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình. Buộc anh Phạm Văn A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Bùi Thị Thanh Th, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con.

Thời gian cấp dưỡng: Thời hạn bắt đầu cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt: Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt khi đủ điều kiện theo quy định tại điều 118 của Luật hôn nhân gia đình.

Sau khi ly hôn chị Th, anh A có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.4] Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Nông, tỉnh Đắk Nông. Bị đơn anh A phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con chung

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 8; Điều 9; Điều 19; Điều 21; khoản 1

Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thanh Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thanh Th được ly hôn với anh Phạm Văn A (chấm dứt hôn nhân).

2. Về con chung: Giao ba con chung Phạm Bùi Ánh Tr, sinh ngày 10/9/2012, Phạm Bùi Bảo Đ, sinh ngày 12/02/2016 và Phạm Bùi Thủy T, sinh ngày 04/6/2021 cho chị Bùi Thị Thanh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng nuôi ba con chung là Phạm Bùi Ánh Tr, sinh ngày 10/9/2012, Phạm Bùi Bảo Đ, sinh ngày 12/02/2016 và Phạm Bùi Thủy T, sinh ngày 04/6/2021, mỗi con chung là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/01 con/01 tháng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), tổng là 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*)/01 tháng/03 con chung.

Thời gian cấp dưỡng: Thời hạn bắt đầu cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt: Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt khi đủ điều kiện theo quy định tại điều 118 của Luật hôn nhân gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định: Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại các Điều 84, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí : Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình: Nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh Th phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008210 ngày 27 tháng 11 năm

2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Hoàn trả chi Bùi Thị Thanh Th số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) còn lại. Anh Phạm Văn A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- UBND xã Nâm Nung, huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Xuân Hoàng